

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2025
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Thế Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh; Bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Khởi Vinh, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H - B, sinh năm 1977 (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bon S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

- Bị đơn: Anh Y J, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Bon S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị H - B trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H - B và anh Y J kết hôn vào ngày 04/02/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị H - B và anh Y J xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng nên chị H - B và anh Y J

không còn sống chung từ tháng 7 năm 2024 đến nay. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, chị H - B giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Y J.

- *Về con chung*: Chị H - B và anh Y J không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H - B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Y J nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

* *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Người tham gia tố tụng*:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị H - B chấp hành đúng quy định của pháp luật; anh Y J không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, chị H - B được ly hôn anh Y J. Chị H - B và anh Y J không có con chung nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Buộc chị H - B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H - B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Y J, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn anh Y J có nơi cư trú tại bon S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H - B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Y J vắng mặt lần thứ hai không lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Y J vẫn không có mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H - B và anh Y J.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H - B và anh Y J kết hôn ngày 04/02/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H - B, sau khi kết hôn vợ chồng chị H - B và anh Y J xảy ra nhiều mâu thuẫn do không có sự chia sẻ, tôn trọng nhau, anh Y J, không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng anh chị đã không còn sống chung từ tháng 7 năm 2024 đến nay. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị H - B không còn tình cảm với anh Y J, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị H - B và anh Y J sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị H - B và anh Y J có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị H - B và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H - B và anh Y J không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị H - B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006021 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H - B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H - B được ly hôn anh Y J.
2. Về con chung: Chị H - B và anh Y J không có con chung, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H - B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
4. Về án phí: Chị H - B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006021 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vi Thế Nam